

LÊ BÁ VƯƠNG\*

## **BÀ ĐEN VÀ SỰ GIAO THOA TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG Ở VÙNG NÚI BÀ ĐEN TỈNH TÂY NINH**

**Tóm tắt:** Vùng núi Bà Đen của tỉnh Tây Ninh ngày nay là nơi có nhiều nhóm tộc người tụ cư. Trong quá trình vận động của lịch sử, ở đây đã diễn ra sự giao thoa, hỗn dung giữa nhiều lớp tôn giáo, tín ngưỡng, tạo ra tính đa dạng văn hóa đặc sắc. Núi Bà Đen được coi như một trong những thánh địa lớn và Bà Đen – vị thần chủ trên ngọn núi thiêng này trở thành biểu tượng của sự giao thoa, hỗn dung văn hóa nói chung và tôn giáo, tín ngưỡng nói riêng.

**Từ khóa:** Tôn giáo; tín ngưỡng; Bà Đen; Linh Sơn Thánh Mẫu; Bà Chúa Xứ; Tây Ninh.

### **1. Vùng núi Bà Đen – vùng núi đa tộc người, đa tôn giáo và tín ngưỡng**

Vùng núi Bà Đen hiện nay thuộc tỉnh Tây Ninh của Việt Nam. Thời kỳ cổ trung đại, phần lớn đất đai của Tây Ninh vẫn còn hoang hóa. Ghi chép trong *Đại Nam nhất thống chí* phần nào cho chúng ta cảm nhận về điều này: “Gò đồi trùng điệp, rừng rú liên dăng, cây cối cao lớn chọc trời, rậm rạp hàng vài trăm dặm”<sup>1</sup>. Chính thực tế đó mà vùng đất này được đặt cái tên Romdum Ray (Chuồng Voi). Từ thế kỷ XVII, nơi đây trở thành địa bàn quy tụ nhiều nhóm cư dân tới khai hoang, lập nghiệp. Theo đó, người Việt đến cộng cư với một bộ phận người bản địa, khai phá vùng đất Tây Ninh (chủ yếu là các vùng đất ở phía nam, tương ứng với các huyện Trảng Bàng và Gò Dầu ngày nay). Huỳnh Minh khẳng định: “Từ Phiên Trấn dinh, người Việt tập trung ở đây đã rất đông đảo rồi đi dần lên hướng bắc

---

\* Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày nhận bài: 28/9/2020; Ngày biên tập: 15/01/2021; Duyệt đăng: 22/02/2021.

qua vùng Hóc Môn, Củ Chi ngày nay đến vùng Trảng Bàng lên Gò Dầu Hạ đến tận vùng chân núi Bà Đen”<sup>2</sup>. Đất Tây Ninh thời điểm này gồm đạo Quang Hóa và Quang Phong được tích hợp vào huyện Phúc Long trực thuộc dinh Phiên Trấn của Đàng Trong.

Giữa thế kỷ XVIII, vua Nặc Nguyên của nước Chân Lạp một vài lần có đem quân tấn công người Chăm ở khu vực Bình Thuận và miền Đông Nam Bộ ngày nay. Trước tình hình đó, Nguyễn Cư Trinh dâng kế sách lên phủ chúa Nguyễn với phương án thu phục nhóm người Chăm này, “cho họ ở vào đất ấy để chế ngự, dùng người Man đánh người Man, cũng là đắc sách”<sup>3</sup>. Người đứng đầu Đàng Trong đã triển khai phương kế này. Theo đó, vào tháng 11 năm 1753, chúa Nguyễn Phúc Khoát giao cho Ký lục Nguyễn Cư Trinh làm tham mưu điều khiển tướng sĩ 5 dinh (gồm các dinh Bình Khang, Bình Thuận, Trấn Biên, Phiên Trấn và Long Hồ) và một lực lượng người Chăm đi chinh phạt Chân Lạp, sau đó đã đưa một số dân Chăm ở Chân Lạp về sinh sống ở chân núi Bà Đen. Cuộc chinh phạt kế tiếp diễn ra vào năm 1754. Sách *Gia Định thành thông chí* ghi lại sự kiện này như sau: “Chia quân Gia Định ra làm hai đạo, Nghi Biểu hầu đem kỳ binh từ sông Bát Đông tiến phát, quân đến đâu địch thua đến đó”<sup>4</sup>. Một năm sau (1755), chúa Nguyễn Phúc Khoát lại sai Nguyễn Cư Trinh làm tham mưu, cùng Thống suất Thiện Chính điều khiển quân đội Đàng Trong đồng thời sử dụng một nhóm người Chăm làm hướng đạo, tiếp tục tiến hành chinh phạt Chân Lạp, sau đó đã bảo hộ khoảng 5.000 người Chăm lưu vong về vùng núi Bà Đen sinh cư. *Quốc sử quán* triều Nguyễn ghi lại sự kiện này: “Quân Chân Lạp phải lui. Nguyễn Cư Trinh bèn hộ vệ hơn 5.000 trai gái Côn Man về đóng ở chân núi Bà Đĩnh”<sup>5</sup>. Như vậy, liên tục trong 3 năm, trên vùng đất Tây Ninh ngày nay đã diễn ra các cuộc hành binh lớn của quân đội Đàng Trong, kết quả đã đẩy lùi quân đội Chân Lạp về đất Campuchia ngày nay, đồng thời tổ chức ổn định lại đời sống của người dân nơi biên viễn. Ngoài nhóm người Khmer lưu lại, đã có một số lượng không nhỏ người Việt, người Hoa và người Chăm đến tụ cư trên vùng núi Bà Đen.

Trong giai đoạn mới được khai phá, Tây Ninh do là tuyến biên cương trọng yếu nên luôn trong hoàn cảnh tranh chấp, bất ổn định. Tình trạng đó kéo dài đến những thập niên đầu của thế kỷ XIX. Năm 1834, khoảng hơn 700 quân Xiêm vượt rạch Xi Khê (rạch Tây Ninh), âm mưu tấn công Gia Định, cứu viện cho Lê Văn Khôi. Quân triều Nguyễn đã đánh tan đội quân của Lê Văn Khôi, buộc lực lượng Xiêm phải lui vào lãnh thổ Chân Lạp. Đến năm 1836 triều Nguyễn mới “bắt đầu đặt phủ Tây Ninh thuộc Gia Định, lĩnh hai huyện Tân Ninh và Quang Hóa”<sup>6</sup>. Sách *Đại Nam nhất thống chí* cho biết quyết định của vua Minh Mệnh như sau: “Nguyên trước là đạo Quang Phong, năm Minh Mệnh thứ 17 mới đặt tên phủ hiện nay, kiêm lý huyện Tân Ninh và thống hạt huyện Quang Hóa, huyện Quang Hóa”<sup>7</sup>. Tây Ninh, trong đó tâm điểm là vùng núi Bà Đen, đã có khá nhiều nhóm người sinh sống vào năm 1837: “Một dải địa phương thành Quang Hóa, tỉnh Gia Định, giáp với các phủ Tuy Lạp, Tầm Đôn, Kha Lâm và Bà Nam thuộc thành Trấn Tây, địa thế rất xung yếu. Năm trước đặt đạo Quang Hóa và các thủ sở Thuận Thành, Quang Phong, Quang Phục, Quang Uy, Kiên Uy coi giữ; các trại Phiên, Chàm quy phụ kể có hàng ngàn”<sup>8</sup>. Do sự khác nhau về phong tục, tập quán nên một số người Khmer tự động lui về hướng tây, một bộ khác phẫn lùì sâu vào lãnh thổ Campuchia ngày nay. Chưa thấy nguồn sử liệu nào đề cập tới xung đột gay gắt giữa lưu dân Việt với cư dân bản địa. Có thể phỏng đoán hiện tượng này không có hoặc rất ít xảy ra. Theo ghi chép của Trịnh Hoài Đức về tình hình ở phủ Gia Định trong các thế kỷ XVII - XVIII: “Lúc ấy địa đầu của Gia Định là Mô Xoài và Đồng Nai, tại hai xứ ấy đã có dân của nước ta đến cùng với dân Cao Miên khai khẩn ruộng đất. Người Cao Miên rất khâm phục uy đức của triều đình, họ đem nhượng đất ấy rồi kéo nhau tránh đi nơi khác chằng dám tranh chấp điều gì”<sup>9</sup>.

Những gì diễn ra trong các thế kỷ XVII - XIX cho thấy, vùng đất Tây Ninh được các chúa Nguyễn cũng như vua Nguyễn rất chú ý và trên thực tế đã có những cuộc di dân lớn đến đây, chủ yếu là

xung quanh núi Bà Đen, nhằm xác lập chủ quyền lãnh thổ. Khi người Việt và người Chăm đến vùng đất Tây Ninh ngày nay, vùng núi Bà Đen trở thành nơi tụ cư của nhiều cộng đồng tộc người gồm người Khmer (Phiên – thổ dân – Man), người Việt (Kinh), người Hoa và Chăm (Côn Man).

Các ghi chép từ một số nguồn sử liệu như đã nêu trên tuy không nhiều nhưng cũng đủ minh chứng một thực tế rằng, đến giữa thế kỷ XIX, vùng núi Bà Đen của tỉnh Tây Ninh ngày nay đã được khai phá, trở thành một vùng đất đa tộc người. Đây là cơ sở để nhiều tôn giáo, tín ngưỡng du nhập và phát triển. Trước hết là sự tồn tại của tôn giáo, tín ngưỡng Khmer mà đậm nét nhất là Phật giáo Theravada và tín ngưỡng thờ nữ thần. Tiếp đến là sự hiện diện các tôn giáo, tín ngưỡng Chăm, Việt và Hoa mang nhiều nét tương đồng với nhau. Do đó, đa tộc người, đa tôn giáo, tín ngưỡng đã trở thành nét đặc trưng của Tây Ninh, đặc biệt ở vùng núi thiêng Bà Đen. Nơi đây Phật giáo, Bàlamôn giáo, shaman giáo, tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng thờ mẫu và nữ thần, thờ cúng tổ tiên,... cùng tồn tại để đáp ứng nhu cầu đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của người dân.

## **2. Vị thần chủ trên vùng núi thiêng**

Bà Đen là danh xưng được nhiều người Việt Nam dùng để định danh cho vùng đất gắn liền với ngọn núi Bà Đen<sup>10</sup> tọa lạc giữa vùng đồng bằng rộng lớn, bên cạnh núi có một hồ nước ngọt lớn (hồ Dầu Tiếng) đưa nước đổ vào sông Sài Gòn. Vùng núi Bà Đen là quần thể 3 ngọn núi liền nhau, trải rộng khoảng 24km<sup>2</sup>, gồm có núi Bà cao 986m (cao nhất vùng Đông Nam Bộ), núi Phụng cao 372m và núi Heo cao 335m. Núi Bà Đen hiện nay thuộc địa bàn 3 xã Ninh Sơn, Tân Bình và Thạnh Tân của Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Sách *Đại Nam nhất thống chí* mô tả: “Linh Sơn cách Tân Ninh 20 dặm về phía tây bắc, hình núi cao chót vót là trần sơn của tỉnh, phía tây giáp địa giới Cao Miên, lưng núi có chùa đá ít người đi đến. Sách *Gia Định thành thông chí* viết: núi Bà Đình đất đá cao vót, cây cối um tùm, nước ngọt, đất màu, trên núi có chùa Linh Sơn, chân núi sát với hồ chằm, cảnh trí đẹp đẽ, rừng hổ hiểm sâu,

thôn xóm người Hoa, người Man, dân nhờ mỗi lợi núi rừng”<sup>11</sup>. Với địa thế đặc biệt như vậy, nên núi Bà Đen từ xưa đã trở thành linh địa, được nhiều người chọn làm nơi thờ thần, Phật.

Trên núi hiện nay có nhiều điểm thờ Bà Đen. Theo khảo sát thực địa của chúng tôi (vào tháng 8 năm 2019), chỉ riêng quần thể núi Bà Đen có 6 ngôi chùa gắn với 6 điện thờ Bà Đen<sup>12</sup>:

1 - Điểm thờ cao nhất (tính từ trên đỉnh núi xuống) đặt tại khuôn viên của Quan Âm tự. Tại đây, Bà Đen được thờ trong điện Linh Sơn có hình thức một Thánh Mẫu da đen, đội mũ thiên phụng, khoác áo đỏ thêu rồng;

2 - Điểm thờ thứ hai nằm trong khuôn viên chùa Hang (Long Châu tự). Điện thờ chính được bố trí để thờ 2 vị, gồm: Bà Đen (Linh Sơn Thánh Mẫu) có màu da đen, đội mũ thiên phụng, khoác áo đỏ thêu rồng và bên cạnh là Bà Chúa Xứ có màu da trắng, đội mũ thiên phụng, khoác áo đỏ thêu rồng. Bên cạnh chính điện còn có một điện thờ Diêu Trì Thánh Mẫu với màu da trắng, đội mũ thiên phụng, khoác áo đen thêu rồng. Hai bàn tay kết ấn dạng ban phát giống như lối kết ấn quen thuộc của Quan Thế Âm Bồ Tát;

3 - Điểm thờ thứ ba đặt tại khuôn viên chùa Hòa Đồng. Tại đây có hai điện thờ Bà Đen. Trong chính điện của chùa Hòa Đồng, Bà Đen (Linh Sơn Thánh Mẫu) có màu da trắng, đội mũ thiên phụng, khoác áo đỏ thêu rồng. Tượng thờ này có tên “Linh Sơn Thánh Mẫu Bồ Tát”, ở đây Bà Đen được thâu nạp luôn cả quyền năng của Quan Thế Âm Bồ Tát. Tượng Bà Đen thứ hai với tên Linh Sơn Thánh Mẫu được đặt thờ tại động Thanh Long thuộc khuôn viên chùa Hòa Đồng. Nơi đây, Bà được biểu hiện với màu da trắng, đội mũ thiên phụng, khoác hoàng bào thêu rồng;

4 - Điểm thờ thứ tư nằm tại Linh Sơn Tiên Thạch tự. Đây là điểm thờ trung tâm và cũng là điểm thờ lớn nhất. Ngôi điện cùng ngôi chùa được tạo lập từ thế kỷ XVIII, cũng là ngôi chùa cổ nhất trên núi Bà Đen, tọa lạc ở vị trí có địa hình rộng và khá bằng phẳng. Tại đây đặt bia đá nói về huyền tích Bà Đen. Linh Sơn Tiên

Thạch là tên của điện thờ Bà Đen nằm bên cạnh chùa Linh Sơn. Ngôi điện này còn có những tên gọi khác như chùa Bà, chùa Thượng hay chùa Phật. Theo đó, Bà Đen được bố trí một điện thờ riêng với tên gọi Điện Bà Linh Sơn Thánh Mẫu. Đáng chú ý, ngay trước điện thờ Bà Đen đã được bố trí một tượng Quan Thế Âm Bồ Tát với hình dáng một tay cầm bình Cam Lộ, tay kia kết ấn ở tư thế ban phát. Trong khi đó, Bà Đen (Linh Sơn Thánh Mẫu) lại được gắn thêm một cái tên nữa là Diêu Trì Địa Mẫu. Ở vai trò này, Bà Đen có màu da trắng, đội mũ thiên phụng, khoác áo đen thêu rồng và đứng trong tư thế hai tay kết ấn ban phát giống như bức tượng Quan Thế Âm Bồ Tát trước điện thờ Bà. Điểm thờ chính của Linh Sơn Tiên Thạch tự là Động Bà. Tại đây Bà Đen được mang tên là Linh Sơn Thánh Mẫu Bồ Tát. Thực tế trên ngai thờ lại được bố trí 3 bức tượng: Tượng Bà Đen ở vị trí cao nhất có màu da đen, đội mũ thiên phụng, khoác hoàng bào thêu rồng. Thấp hơn là tượng Bà Trắng trong dạng thức một pho tượng bằng đá trắng (bạch ngọc thạch) nguyên khối, da trắng, khoác áo trắng. Vị trí cuối cùng trên điện thờ này là một tượng Thánh Mẫu bằng đồng đen, khoác áo màu đen.

5 - Điểm thờ thứ năm nằm trong khuôn viên Long Châu Trung tự. Từ tam quan chùa vào, điện Bà nằm ngay bên phải sân chùa. Tại đây, tượng Bà Đen được đặt trên điện thờ chính và trên vị trí cao nhất trong hình thức da trắng, đội mũ phụng thiên, khoác áo đỏ thêu rồng. Ở hàng dưới có ngũ vị Thánh Mẫu (Thánh Nương). Chúng ta có thể dễ dàng nhận ra cách bài trí giống mô thức của đa số các điện, phủ thờ Mẫu của người Việt ở vùng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ của Việt Nam. Nhưng ở đây, tượng Bà Đen (Linh Sơn Thánh Mẫu) được đặt trên vị trí Thượng Đẳng Thần, hơn hẳn một bậc so với các Thánh Mẫu còn lại.

6 - Điểm thờ thứ sáu nằm tại Linh Sơn Phước Trung tự, dưới chân núi Bà. Bên trong chính điện của chùa, Bà Đen được bố trí ngự trên bàn thờ đối diện với bàn thờ Phật Thích Ca. Ở đây Linh Sơn Thánh Mẫu được biểu hiện trong hình thức da trắng, đội mũ phụng thiên,

khóac áo đỏ thêu rồng. Bà được bố trí riêng một ban thờ, ngay bên phải có bàn thờ Diêu Trì Địa Mẫu và bên trái có bàn thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu.

Như vậy, theo tâm thức của người dân nơi đây, Bà Đen đã “hiển linh” khắp vùng núi, nơi nào có am chùa, nơi đó sẽ có sự hiện diện của Bà Đen. Ở mỗi điện thờ, tuy Bà được biểu hiện ở nhiều hình thức khác nhau, nhưng thống nhất ở chỗ, đều tôn vinh Bà là vị Thánh Mẫu (Bà Chúa Xứ) có ngạch trật Thượng Đẳng Thần với quyền linh cao nhất. Nói cách khác, Bà Đen chính là vị thần chủ của vùng núi Tây Ninh linh thiêng này.

### **3. Linh Sơn Thánh Mẫu (Bà Đen) – biểu tượng của sự giao thoa tôn giáo, tín ngưỡng ở vùng núi thiêng của tỉnh Tây Ninh**

Từ lịch sử lưu dân và quá trình vận động, lan tỏa của các tôn giáo, tín ngưỡng cho thấy, Bà Đen có nguồn gốc từ một vị nữ thần của người Khmer. Qua quá trình giao thoa văn hóa, Bà Đen đã được bổ sung thêm những lớp tôn giáo, tín ngưỡng từ các nhóm tộc người khác (đặc biệt là cộng đồng người Việt ngày càng tụ cư đông đảo) để trở thành Linh Sơn Thánh Mẫu. Điều này phần nào thể hiện qua ba huyền tích dân gian về Bà vẫn đang lưu truyền trong vùng hiện nay, gắn liền với câu chuyện về nàng Rê Deng<sup>13</sup>, nàng Lý Thị Thiên Hương<sup>14</sup> và nàng Đênh<sup>15</sup>. Cả ba huyền tích này có một số nội dung khác nhau nhưng vẫn cho chúng ta biết về một người con gái xinh đẹp có làn da xạm đen (một đặc điểm nhân chủng của người Khmer). Ngay tục danh “Bà Đen” cũng làm chúng ta liên tưởng đến nét sơ khai của hình tượng một vị nữ thần thuộc văn hóa Khmer bởi hình tượng Bà Đen (Neang Khmau) còn đi liền với hình tượng Bà Trắng (Neang Mé Sar). Tuy nhiên, khi các cộng đồng người Việt và Chăm di cư vào vùng núi này, với tâm thức thờ Mẫu có sẵn, các nhóm tân dân này dễ dàng tiếp nhận nữ thần Neang Khmau và tôn thờ Neang Khmau hơn nữ thần Neang Mé Sar. Cùng hình thành trên nền tảng văn minh nông nghiệp lúa nước với tư duy thiên về âm tính, đề cao nguyên lí Mẹ, người Việt, người Chăm và người Khmer đều tôn thờ các nữ thần. Quá trình cộng cư và trao đổi lẫn nhau những yếu

tố tương thích đã dẫn đến sự giao thoa mạnh mẽ trong đời sống tôn giáo, tín ngưỡng. Sự tiếp biến giữa các yếu tố Việt – Chăm – Khmer đã tạo ra những dạng thức tôn thờ chung và tiêu biểu nhất là hệ thống thờ Bà Mẹ Xứ Sở, cụ thể ở vùng núi Bà Đen là Linh Sơn Thánh Mẫu.

Sự ảnh hưởng của lớp tôn giáo tín ngưỡng Chăm trên vùng đất Tây Ninh dễ dàng được nhận diện qua hình tượng Bà Đen. Theo diễn trình lịch sử tiếp biến văn hóa, các nữ thần Bàlamôn giáo đã được người Chăm bổ sung thêm quyền năng từ các nữ thần trong tín ngưỡng dân gian, trong mối quan hệ tương hỗ. Hệ thống các nữ thần như Mẹ Xứ Sở (Rija Nugar), nữ thần biển (Po Riyak), Mẹ Xứ Rừng (Humu Aram), Mẹ Xứ Chài (Humu Chanok), Nữ Thần – Mẹ Xứ Sở (Po Yan Ina Nugar), Mẹ Xứ Sở (Sơn nữ – Bhagavati), Mẹ Xứ Sở (Po Inu Nugar), nữ thần Kauthara, nữ thần Parvati, nữ thần Uma, nữ thần Muk Juk, nữ thần Kali,... chủ yếu được người Chăm bổ sung thêm uy linh của thần Shiva hoặc nữ thần Devi có khi được coi là những dạng thức hóa thân của các vị thần đó. Chẳng hạn như trong Bàlamôn giáo chính thống, nữ thần Devi là vị thần của tri thức, âm nhạc, nghệ thuật và thiên nhiên, nhưng đến với người Chăm, nữ thần Devi trong hóa thân dịu hiền thường được biểu hiện với các tên gọi là Parvati, Uma, Gauri, Po Yan Pu Nagara hoặc Po Yan Ina Nugar. Mặt khác, trong dạng thức hóa thân dữ tợn, nữ thần này được xưng danh bằng các tên như Durga, Bhagavati, Kali,... Đáng chú ý rằng, vị nữ thần xứ sở trong tôn giáo, tín ngưỡng Chăm chính là Po Inu Nagar còn được biết đến với tục danh là Muk Juk (Việt ngữ có nghĩa là Bà Đen). Điều này đã khẳng định dấu ấn của lớp tôn giáo, tín ngưỡng Chăm ở vùng Linh Sơn này.

Bên cạnh đó, không thể phủ nhận dấu ấn Việt trong hình tượng Bà Đen. Hơn nữa, khi số lượng cư dân Việt dần chiếm đa số thì các yếu tố tôn giáo, tín ngưỡng Việt có phần ngày càng vượt trội. Khi di cư vào vùng núi này, với tâm thức thờ Mẫu sẵn có, người Việt dễ dàng thấu nhận nữ thần Neang Khmau và tôn thờ Bà hơn nữ thần Neang Mé Sar, tương tự như dạng thức tôn thờ Bà Chúa Xứ ở một số nơi khác trên vùng đất Nam Trung Bộ và Nam Bộ ngày nay. Trong

quá trình giao thoa văn hóa, người Việt đã thu nạp các yếu tố văn hóa Khmer để tạo nên các đặc trưng mới trong đời sống tinh thần. Hiện tượng này cũng từng được diễn ra trong quá trình chiếm lĩnh và khai phá vùng đất Champa trước đó. Cư dân Việt đã “Việt hóa” tôn giáo, tín ngưỡng Chăm và Khmer bằng các giai thoại, truyền thuyết mới. Nhiều vị thần vốn có nguồn gốc trong văn hóa Khmer, Chăm, qua truyền thuyết của người Việt đã được “Thánh hóa”, “Phật hóa”, “quy về cõi Phật” hay được tôn thờ theo dạng thức “tiền Phật hậu Thánh”. Có thể nhận thấy mô típ này ở hầu khắp vùng đất Nam Bộ. Ở nhiều nơi, các thần bản địa được quy tập vào ngôi miếu trong khuôn viên chùa với vai trò như một thiết chế đồng tôn, được biên chế vào hàng ngũ “các chư Phật, chư Thánh, chư Mẫu” và lý giải bằng huyền tích về sự hiển linh của Bà Mẫu trên vùng địa linh theo mô thức dân gian rằng: “có thờ có thiêng, có kiêng có lành”. Cụ thể trên Linh Sơn này, Bà Đen được thờ trên điện đặt trong khuôn viên các chùa theo dạng “tiền Phật hậu Thánh” hoặc “tiền Thánh hậu Phật”. Nhưng cũng có khi được hòa nhập trong dạng thức Phật – Mẫu để thành Linh Sơn Thánh Mẫu Bồ Tát.

Chúng ta biết rằng, theo tín ngưỡng thờ Mẫu (Tam phủ, Tứ phủ) của người Việt ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, thì mỗi vị thánh mẫu của người Việt sẽ có nhiệm vụ, vai trò cai quản những “phủ” khác nhau. Tuy nhiên, trên vùng đất Nam Bộ, với điều kiện sông nước nhiều và rất quan trọng dẫn đến yếu tố “nước” nổi trội trong đời sống tinh thần của người dân và vị thần chủ của vùng đất vốn được người dân bản địa tôn thờ nhất. Do đó, không khó hiểu khi ở vùng núi thiêng này, Bà Đen mới là vị thần có quyền uy cao nhất. Về hình thức thể hiện và ngạch trật thì Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thượng Thiên, Mẫu Thoải hay Bà Trắng (Neang Mé Sar) không được đứng ở vị trí ngang hàng với Bà Đen – Bà Chúa Xứ - Bà Mẹ Xứ Sở. Cụ thể trong chính điện Linh Sơn Tiên Thạch tự có bày tượng thờ của ba vị thánh mẫu, nhưng chỉ Linh Sơn Thánh Mẫu (khoác áo màu vàng là màu trung tâm theo quan niệm ngũ hành)

được ngự ở vị trí cao nhất trên điện thờ. Có thể nói, hành động “tôn trọng bản địa” được biểu thị đậm nét qua sự tôn vinh này, do đó các Thánh Mẫu thuần Việt cho dù có linh thiêng đến đâu cũng chỉ đứng ở vị trí khiêm tốn hơn so với Bà Đen – Thượng Đẳng Thần vốn có uy linh hơn.

Danh xưng Bà Đen vừa để biểu thị sự “tôn trọng bản địa”, vừa để gọi lại nguồn gốc Khmer và Chăm của Bà, nhưng yếu tố Việt đã được ghi dấu đậm nét hơn với các huyền tích về những lần hiển linh của Bà nhằm cứu độ cho người cai trị, quản lý vùng đất cũng như người dân trong vùng. Chẳng hạn, sau khi trở thành Linh Sơn Thánh Mẫu, Bà Đen được biết thêm qua huyền tích là vị thần báo mộng cứu giúp Nguyễn Phúc Ánh khi còn tranh chấp với quân Tây Sơn trong những năm bôn tẩu vào cuối thế kỷ XVIII. Để tri ân Bà, sau khi lên ngôi, vua Gia Long đã cho người đúc tượng Bà bằng đồng đen và sắc phong cho Bà là Linh Sơn Thánh Mẫu. Vì thế, điện Bà được xây dựng khang trang hơn vào cuối thế kỷ XIX. Lần báo mộng sau đó của Bà Đen ứng hiện giúp cho Lê Văn Duyệt thắng trận. Điều này nhằm phán ánh và ghi nhận vai trò của triều Nguyễn trong việc tạo dựng cuộc sống mới cho cộng đồng cư dân xung quanh vùng núi Bà. *Quốc sử quán* triều Nguyễn phản ánh quá trình thâm nạp, đồng thời cũng là phương cách “thế chỗ” dần những yếu tố bản địa của người dân Việt ở vùng núi Bà Đen như sau: “Thỉnh thoảng có người nhặt được cỗ khí bằng đồng bằng đá. Tương truyền trong hồ có thấy chiếc chiêng đồng, giống như việc “Khánh nổi ở bên sông Tứ” và việc “được chuông ở sông Trường Giang” nhưng đến gần thì biến mất. Lại có khi giữa đêm thanh vắng thấy thuyền rồng lênh đênh, múa hát du dương và có rùa vàng nổi chìm, lớn chừng hơn một trượng. Đó là khí thiêng đúc kết, không phải là việc quái đản. Núi còn có tên là núi Điện Bà. Năm Tự Đức thứ 3 đổi tên gọi hiện nay, ghi vào điển thờ”<sup>16</sup>.

Quá trình “Việt hóa” những yếu tố “phi Việt” cũng là quá trình khẳng định sự hiện diện những yếu tố Việt trên vùng đất phương Nam. Theo đó, nhiều vị thần gốc Bắc hoặc vị trí khiêm tốn, ẩn tàng

của hệ thống thần bản địa trên các ban thờ gắn liền với những mốc son của người Việt trên lãnh thổ mới khai phá. Diễn trình này được hình thành, chuyển hóa dần từ các ngôi đền thờ thần trở thành những ngôi điện thờ Mẫu hoặc chùa thờ Phật Bà đồng thời cũng là điểm thờ các Thánh Mẫu. Người Việt đã thu nạp các tôn giáo, tín ngưỡng bản địa và ngoại lai để tạo ra một hệ thống tín ngưỡng và thờ cúng đa dạng ở núi Bà Đen hiện nay. Vì vậy, cùng với các điện thờ Bà Đen, trên núi còn có hệ thống động Ba Cô để thờ các Cô, Cậu. Ở khuôn viên chùa Hang (Long Châu Tự), bên trong có thờ Bà Đen và Bà Trắng. Bên cạnh đó, ở hầu hết những nơi có điện thờ Bà cũng đều có miếu thờ ông Tà (Nieaktà) cùng các ban thờ Ngọc Hoàng Thượng Đế và Địa Tạng Bồ Tát, Quan Thế Âm Bồ Tát, Diêu Trì Địa Mẫu, Phật Thích Ca, Thập Điện Diêm Vương, Hộ pháp, Tứ vị Sơn Thần (Đông phương Sơn Thần, Tây phương Sơn Thần, Nam phương Sơn Thần, Bắc phương Sơn Thần),... Điều này thể hiện rõ trong môi trường cộng sinh, mỗi cộng đồng đều hướng tới sự hòa hợp và mong muốn thích nghi với những cộng đồng còn lại.

Sự hỗn dung ba dòng tôn giáo, tín ngưỡng của Khmer (Neang Khmau) + Chăm (Muk Juk) và Việt (Thánh Mẫu) đã tạo nên hệ thống tín thờ đa dạng và là chất keo gắn kết giữa cư dân bản địa với những cộng đồng cư dân mới. Đền Bà Chúa Xứ ở Nam Bộ nói chung, các điện thờ Bà Đen trên Linh Sơn của Tây Ninh nói riêng hội tụ đầy đủ bốn chức năng tín thờ cần thiết: thiên thần, thủy thần, sơn thần, nhân thần và khi thỉnh các Phật Bà vào góp mặt, những không gian thiêng này ngày càng được tăng chức năng, đáp ứng nhu cầu tôn giáo, tín ngưỡng của người dân. Cuộc giao duyên tôn giáo, tín ngưỡng này dường như không tạo ra những xung đột gay gắt. Bà Mẹ Xứ Sở của người Chăm có nét tương đồng với các Thánh Mẫu của dân Việt cũng như Bà Mẹ Lúa, Bà Chúa Xứ của người Khmer. Thực tế cho thấy, hình tượng Mẹ Xứ Sở – Bà Chúa Xứ – Thánh Mẫu hiện diện khắp nơi: ở vùng Quảng Bình – Huế (Bà Trời Áo Xanh – Thiên Mục, Bà Viên, Thái Dương Phu Nhân, Kỳ Thạch Phu Nhân, Cô Gái Áo Xanh – Trảo Trảo Linh Thu Phổ Trạch Tướng Hựu Phu nhân,

Bà Giàng, Tứ Vị Thánh Nương, Bà Chúa Ngọc, Thiên Y A Na Diễn Phi Ngọc); ở vùng Quảng Nam – Nha Trang (Bà Đại Càn, Bà Chúa Ngọc, Nam Hải Tứ Vị Thánh Nương, Bà Chúa Lò, Bà Yang, Tứ Vị Thánh Nương, Bà Chúa Sắt (Thiết Phi), Po Inur Nagar, Thiên Y A Na Ngọc Diễn Phi, Thiên Y A Na Diễn Bà, Po Nagar); ở vùng Ninh Thuận (Po Inur Nagar); ở vùng Bình Thuận (Thiên Y A Na); ở vùng Trà Vinh (Bà Om); ở vùng An Giang (Bà Chúa Xứ Thánh Mẫu); ở vùng Cà Mau và Bạc Liêu (Bà Mã Châu – Má Tổ của người Hoa, Chúa Ngọc Nương Nương); trên đảo Phú Quốc (Chúa Ngọc Nương Nương, Long Hải Nương Nương),... và ở tiểu vùng văn hóa thuộc tỉnh Tây Ninh này là Bà Đen (nữ thần Neang Khmau nhưng mang dáng dấp của nữ thần Muk Juk đồng thời được “Việt hóa”, “Phật hóa” để thành Linh Sơn Thánh Mẫu hoặc Linh Sơn Thánh Mẫu Bò Tát). Như vậy, có thể khẳng định, Bà Đen vừa là thần chủ của vùng núi linh thiêng, đồng thời trở thành biểu tượng cho sự dung hợp tôn giáo, tín ngưỡng Việt – Chăm – Khmer ở vùng đất Tây Ninh nói riêng, Nam Bộ nói chung.

### **Kết luận**

Qua nhiều thế hệ, các cộng đồng người Khmer, Chăm và Việt ở quanh vùng núi Bà Đen đã gắn bó keo sơn, cùng chung lưng đấu cật xây dựng cuộc sống. Núi Bà Đen ở Tây Ninh – nơi thờ vị nữ thần chủ (Bà Đen), đã trở thành nơi tụ hội nhiều dòng tôn giáo, tín ngưỡng của các nhóm người Khmer – Việt – Chăm trong mối quan hệ giao thoa mạnh mẽ với nhau. Ngoài điện thờ vị thần chủ là Bà Đen (Thượng Đẳng Thần), trên núi còn có nhiều chùa, am, động, miếu,... tạo thành một hệ thống thờ tự đa dạng. Nhiều lớp tôn giáo, tín ngưỡng của các cộng đồng người khác nhau nhưng cùng mang một hằng số chung đó là bắt nguồn từ nền tảng của văn hóa nông nghiệp đã kết hợp với nhau tạo thành một sự hỗn dung mạnh mẽ ở Tây Ninh mà trong đó, vùng núi Bà Đen trở thành một trong những thánh địa lớn, một trong những điểm giao thoa và hội tụ tiêu biểu và Bà Đen chính là một biểu hiện rõ nhất cho sự hỗn dung ấy. /.

**CHÚ THÍCH:**

- 1 Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí, tập 5*, Phạm Trọng Điềm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 248.
- 2 Huỳnh Minh (1972), *Tây Ninh xưa và nay*, Nxb. Sài Gòn, Sài Gòn, tr. 15.
- 3 Quốc sử quán triều Nguyễn (2001), *Đại Nam thực lục, tập 1*, Nguyễn Ngọc Tinh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr. 166
- 4 Trịnh Hoài Đức (2006), *Gia Định thành thông chí*, Lý Việt Dũng dịch và chú giải, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, Biên Hòa, tr. 110
- 5 Quốc sử quán triều Nguyễn (2001), *Đại Nam thực lục, tập 1*, Nguyễn Ngọc Tinh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr. 164
- 6 Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục, tập 4*, Nguyễn Thế Đạt, Trương Văn Chính, Nguyễn Danh Chiên, Ngô Hữu Tạo, Nguyễn Mạnh Duân, Đỗ Mộng Khương dịch, Hoa Bằng hiệu đính, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr. 988.
- 7 Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí, tập 5*, Phạm Trọng Điềm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 240 - 241.
- 8 Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục, tập 4*, Nguyễn Thế Đạt, Trương Văn Chính, Nguyễn Danh Chiên, Ngô Hữu Tạo, Nguyễn Mạnh Duân, Đỗ Mộng Khương dịch, Hoa Bằng hiệu đính, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr. 988 - 989.
- 9 Trịnh Hoài Đức (2006), *Gia Định thành thông chí*, Lý Việt Dũng dịch và chú giải, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, Biên Hòa, tr. 109.
- 10 Núi Bà Đen còn được gọi với những tên khác như núi Bà Dinh, núi Bà Đình, núi Bà Đênh, Linh Sơn, núi Vân Sơn, núi Quả Một, núi Bà hay núi Điện Bà.
- 11 Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí, tập 5*, Phạm Trọng Điềm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 247.
- 12 Ở Tây Ninh hiện nay có rất nhiều miếu, chùa có thờ Linh Sơn Thánh Mẫu: tổ đình Linh Sơn Phước Lâm (Vĩnh Xuân, Thành phố Tây Ninh), chùa Phước Lư, chùa Hội Phước, chùa Vĩnh An, chùa Tịnh Lý, chùa Phước Thạnh, chùa Phước Huệ, chùa Hội Phước Hòa, chùa Phước Bình, chùa Giác Minh, chùa Giác Nguyên (thị xã Trảng Bàng), chùa Linh Sơn Thanh Lâm, chùa Phước Ân, chùa Phước Minh (huyện Gò Dầu), chùa Thiên Lâm (tức chùa Gò Kén, thị xã Hòa Thành), chùa Hạnh Lâm, chùa Cổ Lâm (huyện Châu Thành)... Ngoài ra còn một số nơi khác ở Nam Bộ cũng thờ Linh Sơn Thánh Mẫu. Tham khảo tại <https://doanhnhplus.vn/linh-son-thanh-mau-o-tay-ninh-488401.html>, cập nhật ngày 19/3/2020.
- 13 Truyền thuyết dân gian cho rằng, ngày xưa, chủ của vùng núi là người một phụ nữ Khmer (nhiều người còn cho là một người phụ nữ Phù Nam –

TG chú thêm) có tên là Rê Deng. Do người đời sau phát âm lái thành Đen, từ đó trở thành Bà Đen.

- 14 Truyền thuyết dân gian kể về một cô gái mang tên Lý Thị Thiên Hương (có màu da đen sậm), quê ở Trảng Bàng, hay văn giỏi võ, thường hay lên núi Quả Một (tên gọi cũ của núi Bà Đen) cúng Phật. Trên núi có một ngôi chùa thờ tượng Phật rất linh thiêng. Vì đường lên núi rậm rạp, thường có nhiều loại hổ báo ẩn náu, nên dân chúng thường đi theo từng nhóm để hỗ trợ nhau khi bị thú dữ tấn công. Lý Thị Thiên Hương đã gặp một người con trai trong làng tên Lê Sĩ Triệt và hai người đem lòng thương yêu nhau tha thiết. Một lần nọ, cô bị một tên quan tham háo sắc trong làng ức hiếp và muốn cha cô gả con gái cho hắn. Sau khi biết tin, vì không muốn người mình thương yêu phải lấy tên tham quan đó nên Lê Sĩ Triệt đã ra tay cứu người yêu. Cứu được nàng rồi, hai người kết duyên vợ chồng và chung sống với nhau rất hạnh phúc. Khi đó, Nguyễn Phúc Ánh đang cho người đi chiêu mộ quân sĩ để đánh lại quân Tây Sơn, Lê Sĩ Triệt đã đầu quân cho Nguyễn Phúc Ánh. Lý Thị Thiên Hương lên núi cầu Phật mong chồng sớm quay về thì bị bọn cướp vây bắt. Cô nhanh chóng chạy vào rừng hòng thoát thân và mất tích từ đó. Đến thời vua Minh Mạng, trên chùa có một vị sư già làm trụ trì. Một hôm nọ, khi đang tụng kinh niệm Phật thì nhà sư phát hiện bóng một cô gái xinh đẹp hiện ra, nói rằng: “Ta đây họ Lý, khi 18 tuổi bị bọn cướp vây bắt, nên chẳng may ngã xuống vực chết, nay đắc quả, xin hòa thượng xuống triền núi phía Đông Nam, tìm thi hài của ta và chôn cất giùm”. Nhà sư y lời đi tìm xác cô đem về chôn cất. Dân chúng trong vùng ca ngợi tấm lòng trinh trắng, trung hậu của Lý Thị Thiên Hương, đã cho xây dựng điện thờ. Vì cô có nước da đen nên người dân gọi bằng tục danh là Bà Đen, đồng thời cũng gọi tên ngọn núi Quả Một thành núi Bà Đen.
- 15 Truyền thuyết dân gian này kể lại rằng, thủa xưa tại vùng núi Tây Ninh có viên quan trấn thủ sinh hạ được người con gái đặt tên là Đênh,... Khi cô đến tuổi cập kê, có con trai của viên tri huyện trấn nhậm ở Trảng Bàng (cũng thuộc Tây Ninh) ngó ý cầu hôn. Thấy xứng đôi vừa lứa, gia thế đôi bên cũng thuộc loại môn đăng hộ đối, cha mẹ nàng Đênh nhận lời. Thế nhưng nàng Đênh có ý nguyện xuất gia cầu đạo, không tính đến chuyện lập gia đình, nên một mực từ chối. Một đêm, khi cả nhà đang yên giấc ngủ, nàng Đênh lên ra đi, định tìm đến tá túc tại ngôi chùa trên núi. Chẳng may trên đường đi, nàng bị cọp vồ. Hôm sau, khi gia nhân theo lệnh viên quan trấn thủ đi tìm thì nàng đã bị cọp ăn thịt, chỉ còn sót lại một chân nằm ở nơi kẹt đá. Được tin, song thân nàng vô cùng đau đớn, đánh cho quân lính mai táng phần thi thể còn lại ở trên núi và cho xây miếu thờ. Hôm đó là ngày mùng năm tháng năm âm lịch. Dân địa phương cho rằng cái chết của nàng Đênh là cái chết oan khuất, thể tất phải linh hiển, từ đó hễ có việc gì khó khăn, họ thường đến miếu cúng bái, mong

được phù hộ. [Nhiều tác giả (2013), *Lễ hội truyền thống các dân tộc Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr. 1552- 1553].

- 16 Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí, tập 5*, Phạm Trọng Điềm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 247.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Quý Đôn (1977), *Lê Quý Đôn toàn tập, tập 1: Phủ biên tạp lục*, Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Trọng Hàn, Nguyễn Ngọc Tinh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Trịnh Hoài Đức (2006), *Gia Định thành thông chí*, Lý Việt Dũng dịch và chú giải, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai.
3. Nhiều tác giả (2013), *Lễ hội truyền thống các dân tộc Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
4. Huỳnh Minh (1972), *Tây Ninh Xưa và Nay*, Sài Gòn.
5. Quốc sử quán triều Nguyễn (2001), *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nguyễn Ngọc Tinh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
6. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 4, Nguyễn Thế Đạt, Trương Văn Chính, Nguyễn Danh Chiên, Ngô Hữu Tạo, Nguyễn Mạnh Duân, Đỗ Mộng Khương dịch, Hoa Bằng hiệu đính, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
7. Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí, tập 5*, Phạm Trọng Điềm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Thuận Hóa, Huế.; Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (2011), *Chùa – Bồ tát Nguyễn Phúc Chu (1675 - 1725) và sự nghiệp mở mang bờ cõi, phát triển đất nước*, Kỷ yếu hội thảo ngày 22-23/8/2011 tại Thành phố Hồ Chí Minh.
8. <https://doanhnhanplus.vn/linh-son-thanh-mau-o-tay-ninh-488401.html>, cập nhật ngày 19/3/2020.

#### Abstract

### **BÀ ĐEN AND ACCULTURATION OF RELIGIONS IN THE BLACK LADY MOUNTAIN'S AREA OF TÂY NINH PROVINCE**

**Le Ba Vương**

*Ho Chi Minh City University of Culture*

Bà Đen mountain area of Tây Ninh province is the homeland of many ethnic groups. In the process of history, there has been acculturation among religions and beliefs, it has created a unique cultural diversity. Black Lady mountain has been considered as one of the great holy places and Bà Đen - the goddess of this sacred

mountain has become a symbol of acculturation, cultural fusion in general and religious exchange in particular.

**Keywords:** Religion; belief; Bà Đen; mother goddess; Bà Chúa Xứ; Tây Ninh.



Hình 2: Điện Bà Đen trong khuôn viên chùa Hang (Long Chu tự)  
Ảnh: Tác giả chụp 8/2019



Hình 1:  
Tượng Bà  
Đen  
trong  
Điện  
Linh Sơn  
tại  
khuôn  
viên  
của  
Quan  
Âm tự  
Ảnh: Tác  
giả chụp  
tháng  
8/2019



Hình 3: Tượng Diệu Trì Địa Mẫu trong khuôn viên chùa Hang (Long Chu tự)  
Ảnh: Tác giả chụp 8/2019



Hình 4:  
Điện Bà  
Đen  
trong  
khuôn  
viên  
chùa  
Hòa  
Đông  
Ảnh:  
Tác giả  
chụp  
8/2019



Hình 5: Điện Bà Đen ở đồng Thanh Long trong khuôn viên chùa Hòa Đông  
Ảnh: Tác giả chụp 8/2019



Hình 6:  
Tượng  
Diệu  
Trì Địa  
Mẫu tại  
Linh  
Sơn  
Tiên  
Thạch  
tự  
Ảnh:  
Tác giả  
chụp  
8/2019



*Hình 7:*  
Điền Bà  
Đen ở  
Linh  
Sơn  
Tiên  
Thạch  
tự.  
*Ảnh:*  
Tác giả  
chụp  
8/2019



*Hình 8:* Điền Bà Đen ở trong khuôn viên Long Châu Trung tự  
*Ảnh:* Tác giả chụp 8/2019



*Hình 9:*  
Tượng  
Bà Đen  
ở  
Phước  
Trung  
tự.  
*Ảnh:*  
Tác giả  
chụp  
8/2019